TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2020/DS-ST
Ngày: 15 - 7 - 2020
V/v: "Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng N.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Nguyễn Thị N - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST-DS ngày 11/02/2020 về việc "Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXX-DS ngày 01/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2020/QĐST-DS ngày 25/6/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T là: ông Nguyễn Thành T , sinh năm 1983. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số 30, đường Nguyễn H, phường M, thành phố L, tỉnh A. (Văn bản ủy quyền được Phòng Công chứng, tỉnh A công chứng số 142, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/3/2020).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị C (5 C), sinh năm 1949. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Đ , huyện T, tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 25/3/2020 (bút lục 20) và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (do ông Nguyễn Thành T đại diện) trình bày: vào năm 2013, bà Nguyễn Thị C (5 C) cần tiền đáo nợ Ngân hàng nên có hỏi vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000 đồng, thời gian vay là 03 tháng sau sẽ trả. Khi vay tiền, bà C có ký biên nhận ngày 08/08/2013 nợ bà T số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó, bà C đã trả cho bà T được 10.000.000 đồng nên còn nợ lại 15.000.000 đồng. Mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu bà C trả số tiền 15.000.000 đồng còn lại nhưng bà C hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị C có đăng ký thường trú tại ấp H, xã Đ , huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Ông Nguyễn Thành T (là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đúng với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị C đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà C đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C .

[3] Về nội dung: bà Nguyễn Thị T yêu cầu bà Nguyễn Thị C trả cho bà T 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra là Biên nhận tiền đề ngày 08/8/2013 do bà Nguyễn Thị C trực tiếp ký nhận, với nội dung: *"Tôi tên Nguyễn Thị C (5 C), hiện cư ngụ ấp H, xã Đ , huyện T, tỉnh A . Tôi có mượn tiền của cô Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), thời gian là 3 tháng tôi sẽ trả vốn lãi cho cô Tích. Nếu sai lời nói trên thì tôi hoàn toàn chịu trước pháp luật"* (bút lục 17).

[3.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T thấy rằng, giữa bà T với bà Nguyễn Thị C có xác lập hợp đồng vay tài sản, được thể hiện bằng biên nhận nợ

với số tiền vay 25.000.000 đồng do bà C ký nhận. Mặc dù biên nhận thể hiện bà C có vay của bà T 25.000.000 đồng nhưng nguyên đơn thừa nhận, sau khi vay bà C đã trả được 10.000.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng đến nay chưa trả. Xét thấy, hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý từ thời điểm giao kết.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị C để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ. Bà C trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lý do và cũng không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 15.000.000 đồng nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 15.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền gốc, không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị C bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Lẽ ra, bà Nguyễn Thị T phải nộp tạm ứng án phí với số tiền 375.000 đồng nhưng do bà T có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí (do người cao tuổi) và được Tòa án chấp nhận (bút lục 08 và 09) nên bà T không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T .

Buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị C phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H